TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/DS - ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Gat
2. Bà Trần Thị Thúy Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hải –Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2017 về "***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST - DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Trần Thị Yến L***, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 8, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

2.*Bị đơn*: Anh ***Nguyễn Hữu L***, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

Chị ***Đặng Thị Kim C***, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2017, bản tự khai ngày 10/3/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị Yến L trình bày:

Ngày 26/9/2014 chị có cho anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C vay số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó anh Nguyễn Hữu L tiếp tục vay thêm 13.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng. Vào ngày 17/02/2016 anh L có trả cho chị 6.000.000 đồng còn lại 14.000.000 đồng anh L hẹn hàng tháng trả 2.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hẹn chị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh L và chị C vẫn không thanh toán nợ. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C phải thanh toán cho chị số tiền gốc 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng và tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu L, tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu L vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 17/8/2017 thể hiện:

Anh có vay của chị Trần Thị Yến L số tiền 14.000.000 đồng, anh không có khả năng trả nợ nên chị L hiện đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Pleiku. Nay anh yêu cầu hoãn 20 ngày để anh lo tiền trả nợ cho chị L.

Đối với bị đơn chị Đặng Thị Kim C

Chị Đặng Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để chị C trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến L nhưng chị Đặng Thị Kim C không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Trần Thị Yến L chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến L, buộc anh Nguyễn Hữu L trả cho chị Trần Thị Yến L số tiền 10.500.000 đồng, chị Đặng Thị Kim C trả cho chị Trần Thị Yến L số tiền 3.500.000 đồng và anh L, chị C trả cho chị L tiền lãi theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hữu L, chị Đặng Thị Kim C chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Trần Thị Yến L cho rằng anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C còn nợ chị 14.000.000 đồng, chị L đã nhiều lần yêu cầu anh L, chị C trả tiền nhưng anh chị không thực hiện buộc chị L khởi kiện.

Đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh L, chị C vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C.

Theo Giấy mượn tiền ngày 26/9/2014 anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C vay của chị Trần Thị Yến L số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Sau đó anh Nguyễn Hữu L viết giấy nợ tiền trong đó thể hiện anh nợ chị L 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, anh đã trả được 6.000.000 đồng và còn nợ lại chị L 14.000.000 đồng trong đó có 7.000.000 đồng mà anh và chị C đã vay của chị L ngày 26/9/2014. Giấy mượn tiền ngày 26/9/2014 và giấy nợ tiền không đề ngày được lập cơ sở tự nguyện, đối tượng giao kết phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Yến L yêu cầu anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C thanh toán cho chị số tiền 7.000.000 đồng, cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả cho chị 3.500.000 đồng và anh Nguyễn Hữu L thanh toán cho chị số tiền 7.000.000 đồng và từ ngày vay đến nay anh L và chị C không trả lãi nên chị yêu cầu tính lãi số tiền vay từ ngày vay theo từng giấy nợ cho đến ngày xét xử (ngày 07/9/2017) với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C cùng vay số tiền 7.000.000 đồng thể hiện trên giấy mượn tiền ngày 26/9/2014 và giấy nợ tiền không đề ngày chứng tỏ khoản tiền 6.000.000 đồng anh Nguyễn Hữu L trả cho chị L vào ngày 17/02/2016 là trả cho khoản nợ riêng giữa anh L và chị L. Tại bản tự khai ngày 17/8/2017, anh Nguyễn Hữu L thừa nhận còn nợ chị Trần Thị Yến L số tiền 14.000.000 đồng minh chứng việc anh L còn nợ tiền chị L là có thật nhưng không bác bỏ nghĩa vụ trả tiền của chị C đối với chị L mặc dù anh L đã nhận toàn bộ trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại là 14.000.000 đồng. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh L và chị C vắng mặt. Chị L vẫn yêu cầu anh L và chị C có trách nhiệm trả cho chị số tiền 7.000.00 đồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả toàn bộ số nợ 14.000.000 đồng của anh L. Do anh L và chị C cùng vay nên cùng phải chịu trách nhiệm thanh toán cho chị L số tiền 7.000.000 đồng, mỗi người chịu trách nhiệm thanh toán 3.500.000 đồng. Riêng khoản vay 7.000.000 đồng anh Nguyễn Hữu L vay riêng anh phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền này cho chị L.

Các khoản vay anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C cùng vay và anh Nguyễn Hữu L vay riêng đều thể hiện vay có lãi với lãi suất thỏa thuận nên chị L yêu cầu tính lãi

theo qui định của pháp luật là chính đáng cần chấp nhận. Theo Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 lãi suất cơ bản là 9%/ năm tương đương 0,75%/tháng.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng anh L và chị C vay từ ngày 26/9/2014 nhưng chưa trả lãi, từ ngày vay 26/9/2014 đến ngày xét xử 07/9/2017 là 2 năm 11 tháng 12 ngày

7.000.000 đồng x 2 năm 11 tháng 12 ngày x 0,75%/ tháng = 1.858.500 (Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng anh L vay nhưng chưa trả lãi, do không xác định được ngày vay cụ thể nên chị L yêu cầu tính lãi từ ngày 17/02/2016, từ ngày 17/02/2016 đến ngày xét xử 07/9/2017 là 1 năm 06 tháng 21 ngày

7.000.000 đồng x 1 năm 06 tháng 21 ngày x 0,75%/ tháng = 981.750 (Chín trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Như vậy có cơ sở xác định, anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C nợ chị Trần Thị Yến L 7.000.000 đồng và anh Nguyễn Hữu L nợ chị Trần Thị Yến L 7.000.000 đồng, anh L và chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc anh L và chị C trả cho chị L 7.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 1.858.500 đồng, mỗi người trả cho chị L 4.429.250 đồng; anh L trả cho chị L 7.000.000 đồng và tiền lãi 981.750 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Trần Thị Yến L được chấp nhận nên anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ anh, chị phải thực hiện, cụ thể:

Anh Nguyễn Hữu L phải chịu: 12.411.000 đồng x 5% = 620.550 đồng.

Chị Đặng Thị Kim C phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 477, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 12 Điều 25; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến L về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C thanh toán tiền nợ 14.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Hữu L trả cho chị Trần Thị Yến L 12.411.000 (Mười hai triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng trong đó tiền gốc 10.500.000 đồng và tiền lãi 1.911.000 đồng.

Buộc chị Đặng Thị Kim C trả cho chị Trần Thị Yến L 4.429.250 (Bốn triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng trong đó tiền gốc 3.500.000 đồng và tiền lãi là 929.250 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể anh L chịu 620.550 (Sáu trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi) đồng, chị C chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Yến L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002944 ngày 10/3/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Yến L có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Nguyễn Hữu L và chị Đặng Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy